

Đề tin dụng đầu tư phát triển thực sự "nâng cánh" doanh nghiệp

Hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước trong thời gian qua đã gặt hái được những kết quả rất đáng khích lệ, tuy nhiên hiệu quả còn chưa cao và chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố, trong đó có chính sách, quy hoạch chiến lược và các kế hoạch phát triển dài hạn của Nhà nước.

TS. **TRẦN CÔNG HÒA**
Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng đầu tư phát triển

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi sẽ trình bày nghiên cứu về đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn 2000-2005 thông qua khảo sát trực tiếp tại các doanh nghiệp nhằm cung cấp thêm cách nhìn nhận và đánh giá mới, cùng góp phần phát triển các khuyến nghị nâng cao hiệu quả của công cụ quan trọng này.

Bài viết đánh giá chủ yếu về hiệu quả đối với doanh nghiệp trên phương diện chính - đáp ứng nhu cầu vốn để: (1) tăng doanh thu; (2) tăng kim ngạch xuất khẩu; (3) đổi mới công nghệ, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng cạnh tranh; (4) mở rộng sản xuất, tạo việc làm.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong giai đoạn 2000-2005, các doanh nghiệp rất quan tâm đến tín dụng ĐTPT của Nhà nước do điều kiện vay vốn không quá phức tạp và đặc biệt là lãi suất khá thấp (ưu đãi) so với lãi suất thị trường. Nhờ có nguồn vốn đầu tư dài hạn với hiệu ứng khuyến khích thông qua lãi suất, các doanh nghiệp có thể ĐTPT cơ sở vật chất và năng lực sản xuất với máy móc, trang thiết bị, công nghệ hiện đại, giảm chi phí sản xuất, mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và tạo công ăn việc làm. Đa số các doanh nghiệp vay vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước đều hoạt động có lãi, tỷ trọng doanh thu

của các dự án vay vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước trong tổng doanh thu của doanh nghiệp bình quân là 36,8%/năm - thể hiện rằng các dự án này có đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động chung của doanh nghiệp. Kết quả kiểm định đánh giá tổng hợp của các doanh nghiệp về tác động của vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước đối với khả năng tăng doanh thu, tăng kim ngạch xuất khẩu, hiệu quả đổi mới công nghệ, giảm chi phí, hạ giá thành, tăng cạnh tranh, mở rộng sản xuất, tạo việc làm xuất khẩu của doanh nghiệp cho thấy có sự liên hệ giữa các ý kiến này với độ tin cậy cao; các doanh nghiệp càng vay được nhiều vốn thì hiệu quả càng cao.

Nhờ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được phát triển, NSNN cũng có điều kiện tăng thêm nguồn thu từ thuế. Theo tính toán, tổng doanh thu của 3.400 doanh nghiệp có dự án vay vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng ở trong khoảng 144.576 tỷ đồng - 150.506 tỷ đồng. Với mức thuế giá định 10%, NSNN đã tăng thu thuế từ các doanh nghiệp này khoảng

14.500-15.000 tỷ đồng, bằng 12,8% tổng thu nội địa NSNN (không kể dầu thô) của cả nước năm 2005, bằng 17,9% tổng thu nội địa NSNN (không kể dầu thô) của cả nước bình quân giai đoạn 2001-2005.

Riêng đối với xuất khẩu, kết quả khảo sát cho thấy số các doanh nghiệp chuyển dịch dần từ nhóm có doanh thu xuất khẩu ít sang nhóm có doanh thu xuất khẩu nhiều hơn, thể hiện rằng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt. Các kết quả kiểm định cho thấy có mối liên hệ giữa mức vốn vay tín dụng ĐTPT của Nhà nước và doanh thu xuất khẩu của doanh nghiệp trong các năm.

Khi đánh giá chung, có tới 51% doanh nghiệp cho rằng tín dụng ĐTPT của Nhà nước có hiệu quả cao, 45% doanh nghiệp cho rằng có hiệu quả nhưng không cao, và 4% doanh nghiệp cho rằng không có hiệu quả. Tổng hợp kết quả đánh giá theo phương pháp chấm điểm với thang điểm 5 đối với các mặt hiệu quả cụ thể như sau:

- Về hỗ trợ vốn: 3,4 điểm;
- Về hỗ trợ tăng doanh thu: 3,5 điểm;
- Tăng kim ngạch xuất khẩu: 3,4 điểm;
- Đổi mới công nghệ, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh: 3,7 điểm;

Điều tra ý kiến doanh nghiệp về các khoản khi vay vốn đầu tư		
	Khi vay NHTM	Khi vay Quỹ HTPT
Tình hình tài chính của DN (khó đáp ứng?)	18%	
Tài sản bảo đảm tiền vay của DN (khó đáp ứng?)	52%	
Lãi suất cho vay (quá cao?)	34%	19%
Mức vốn được duyệt vay không đáp ứng đủ nhu cầu của DN	51%	54%
Thời hạn cho vay quá ngắn	36%	36%
Tổ chức cho vay không đủ vốn để cho vay	7%	19%
Đưa thêm khoản (TTC) vay ngoài (từ doanh nghiệp...)	1%	22%

- Mở rộng sản xuất, tạo công ăn việc làm: 3,9 điểm;

Chúng tôi nhận định rằng những đánh giá này là khách quan và có cơ sở. Mặc dù vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước bình quân chiếm tới gần 45% tổng số vốn vay cố định của các doanh nghiệp nhưng doanh thu tạo ra chỉ ở mức 35% doanh thu của doanh nghiệp, chứng tỏ rằng hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao. Khi tiến hành kiểm định sự liên hệ giữa các mức vốn được đáp ứng đối với các ý kiến đánh giá và giữa các ý kiến đánh giá từng mặt với ý kiến đánh giá chung, kết quả cũng phản ánh sự liên hệ tương tự.

Tổng hợp thực tế quá trình triển khai trong những năm qua cho thấy có rất nhiều nguyên nhân tác động đến hiệu quả triển khai các dự án, bao gồm sự phù hợp và tính ổn định của chính sách (chính sách tín dụng, kế hoạch và quy hoạch phát triển KT-XH vùng, ngành), giá cả thị trường, năng lực của doanh nghiệp... Bảng 1 thể hiện những khó khăn chủ yếu (và cũng là nguyên nhân) hạn chế hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp khi vay vốn.

Bên cạnh đó, khi vận hành dự án, doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn do chính sách của Nhà nước hay thay đổi, thiếu thông tin về thị trường, dự báo thị trường không tốt, thiếu nguyên liệu cho sản xuất, bị các đơn vị khác chiếm dụng vốn, thiếu vốn lưu động, khó khăn khác (ví dụ: tổ chức điều hành).

Kiến nghị với Nhà nước

Các doanh nghiệp đề nghị sự hỗ trợ của Nhà nước nên thể hiện ở các khía cạnh: (1) Mở rộng phạm vi đối tượng hưởng ưu đãi; (2) Giảm yêu cầu về bảo đảm tiền vay; (3) Tăng tỷ lệ mức vốn cho vay tối đa; (4) Tăng thời hạn cho vay tối đa; (5) Bổ sung hình thức cho vay bằng ngoại tệ.

Về những vấn đề này, chúng tôi xin kiến giải thêm như sau:

Thứ nhất, Quốc hội và Chính phủ cần sớm hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật một cách đồng bộ, ổn định, rõ ràng, có tính khả thi cao, đảm bảo các văn bản pháp luật được ban

hành đi vào cuộc sống; tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy đầu tư của mọi thành phần kinh tế, tạo điều kiện phát triển tín dụng ĐTPT của Nhà nước. Vấn đề đặc biệt quan trọng là nêu rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, đảm bảo quá trình hướng dẫn và thực thi pháp luật nghiêm túc. Trách nhiệm cá nhân cũng cần được làm rõ, tăng hiệu quả triển khai các chính sách của Nhà nước, tránh trường hợp cơ quan nhà nước (bộ, chính quyền địa phương) hướng dẫn sai, làm sai hoặc không đến nơi đến chốn nhưng không phải chịu trách nhiệm hoặc chỉ chịu trách nhiệm tinh thần, trong khi các doanh nghiệp phải chịu thiệt hại về kinh tế. Khắc phục ngay tình trạng luật ban hành đã có hiệu lực nhưng không có văn bản hướng dẫn nên không triển khai được (ví dụ: Luật Đầu tư 2005 đã có hiệu lực nhưng thiếu Nghị định hướng dẫn nên tạm dừng thi hành; Nghị định 16 về quy chế đầu tư xây dựng công trình đã có hiệu lực nhưng thiếu thông tư hướng dẫn nên cũng tạm dừng thi hành...).

Thứ hai, Chính phủ cần sớm hoàn thiện các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển KT-XH các ngành, nghề và vùng lãnh thổ, đảm bảo sự ổn định thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể của nền kinh tế nói chung và tín dụng ĐTPT nói riêng.

Thứ ba, Chính phủ cần có các biện pháp hữu hiệu điều tiết cung cầu thị trường đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá cả, không để xảy ra những cú sốc lớn về giá, đặc biệt đối với những hàng hóa nhạy cảm, thiết yếu đối với đời sống kinh tế. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng nhằm hạn chế rủi ro thị trường đối với mọi hoạt động của đời sống KT-XH, trong đó có tín dụng ĐTPT của Nhà nước; trường hợp có đột biến tăng về giá cả các vật tư, vật liệu quan trọng như sắt thép, xăng dầu hoặc tỷ giá các ngoại tệ mạnh sẽ dẫn đến tăng tổng mức đầu tư của các dự án vượt khỏi mức dự phòng, do đó mất khả năng huy động vốn cho dự án và dẫn đến chậm tiến độ hoặc đình trệ đầu tư, mất cơ hội kinh doanh và

lãng phí vốn đầu tư.

Thứ tư, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước theo hướng ổn định, đồng bộ và phù hợp hơn so với thông lệ quốc tế. Thực tế trong giai đoạn 2000-2004, kể từ sau Nghị định số 43/1999/NĐ-CP, có tới 59 văn bản các loại quy định về kênh tín dụng này; khi Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ra đời thay thế Nghị định 43 và thống nhất lại các vấn đề về đối tượng và mức hỗ trợ thì chỉ sau 2 năm, tính đến nay đã có tới 14 văn bản khác ra đời bổ sung các cơ chế hỗ trợ theo hình thức tín dụng này. Sự không ổn định trong chính sách tín dụng ĐTPT của Nhà nước cho thấy Chính phủ chưa có một chiến lược rõ ràng về việc phát triển kênh tín dụng này như một công cụ quan trọng trong hỗ trợ ĐTPT. Do vậy cần xây dựng một chiến lược hợp lý cho vấn đề này theo hướng lành mạnh hơn, hạn chế sự bao cấp của Nhà nước, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của tổ chức thực thi nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước.

Để đảm bảo khung pháp lý đủ mạnh, có tính ổn định cao phù hợp với đặc điểm của tín dụng ĐTPT của Nhà nước, tại các nước, chính sách tín dụng ĐTPT của Nhà nước và hoạt động của ngân hàng phát triển đều được luật hóa bởi một sắc luật riêng. Việt Nam cũng cần học tập kinh nghiệm này và Quốc hội cần ban hành một văn bản pháp luật, ít nhất cũng ở tầm pháp lệnh nhằm đảm bảo sự ổn định, có tính pháp lý cao, tạo hành lang pháp lý thống nhất điều chỉnh kênh tín dụng quan trọng này của nền kinh tế. Do một số dự án trọng điểm được tài trợ theo chỉ định và các dự án được hỗ trợ thường có quy mô lớn và dài hạn nên ngoài các tài sản thuộc sở hữu, chủ đầu tư còn được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho tiền vay. Tuy nhiên, chính sách dùng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp chỉ có thể an toàn khi có một quy trình quản lý và giám sát đầu tư được luật hoá và giám sát chặt

chê. Như vậy, việc ban hành văn bản pháp lý ở mức pháp lệnh và sửa đổi các quy định hiện tại về tín dụng ĐTPT của Nhà nước là cần thiết, vừa có ý nghĩa quan trọng khẳng định vị thế pháp lý của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPTVN), vừa tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước; trong đó các vấn đề đặc biệt quan trọng là:

- Về đối tượng hỗ trợ: Xây dựng khung/nhóm lĩnh vực hỗ trợ và ban hành theo kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm, tránh tình trạng ban hành lẻ tẻ và quá chi tiết như hiện nay; các nhóm đối tượng cần bao gồm những lĩnh vực trọng điểm theo ngành, vùng lãnh thổ nhằm phù hợp với điều kiện, tình hình của từng lĩnh vực, khu vực kinh tế, phù hợp với đặc điểm và phát huy lợi thế so sánh của từng ngành, vùng lãnh thổ. Một số đối tượng cần tập trung hỗ trợ là: cơ sở hạ tầng, năng lượng (ưu tiên năng lượng sạch), phát triển khoa học công nghệ và ứng dụng công nghệ mới, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp chế biến và một số lĩnh vực công nghiệp nặng (Ví dụ: luyện thép chất lượng cao, chế tạo máy...). Cần thể hiện sự phân định tương đối với các tổ chức tín dụng thương mại về quy mô dự án và cấp độ hỗ trợ nhằm tập trung vốn cho các dự án lớn có tác động mạnh đến sự phát triển KT-XH của vùng, ngành; hoạt động với nguyên tắc không cạnh tranh với khu vực tư nhân.


- Về lãi suất cho vay: Để phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, lãi suất cho vay cần được xác định tiệm cận với thị trường, sao cho đủ cao để có thể bù đắp được các chi phí hoạt động (hiển nhiên là phải cao hơn lãi suất huy động, hiện nay lãi suất cho vay dài hạn là 7,8% năm, thấp hơn rất nhiều so với lãi suất huy động); đủ thấp để thu hút các nhà đầu tư có các dự án đúng đối tượng. NHPTVN sẽ phải chủ động xác định mức vốn và lãi suất cho vay dựa trên kỳ hạn và mức độ tín nhiệm của chủ đầu tư, dự án.

Như vậy, lãi suất cho vay nhìn chung sẽ ở mức rất sát so với lãi suất

thị trường (xem hình). Nếu coi D là lãi suất huy động vốn bình quân trên thị trường, C là lãi suất cho vay bình quân tại đó hoà vốn, B là lãi suất cho vay bình quân trên thị trường, A là lãi suất cho vay lớn nhất trên thị trường thì lãi suất cho vay ưu đãi sẽ dao động từ D cho đến sát B. Tức là lợi nhuận trong tài trợ theo hình thức này sẽ luôn thấp hơn so với lợi nhuận của tín dụng thị trường. Điều này không vi phạm các cam kết quốc tế và phù hợp với quan điểm thị trường, bởi lẽ: Thu nhập từ cho vay theo quan điểm thị trường là mức thu nhập dự tính không thấp hơn tổng các chi phí bỏ ra, bao gồm cả chi phí huy động vốn và chi phí hoạt động. Lãi suất cho vay thấp là do tiết kiệm được chi phí trong tổ chức vận hành và lợi nhuận chủ không phải được trợ cấp đầu vào để "phá giá". Thực hiện điều này sẽ có tác dụng tốt nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NHPTVN, dần tự cân đối về tài chính, giảm dần gánh nặng cấp bù chênh lệch lãi suất và phí hoạt động từ NSNN, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Về huy động vốn: Cần trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho NHPTVN trong việc quyết định lãi suất huy động theo kế hoạch tổng thể hàng năm (bao gồm cả việc huy động nội tệ và ngoại tệ) nhằm đảm bảo tính chủ động, huy động đủ vốn đáp ứng nhu cầu ĐTPT của đất nước; NHPTVN phải tự chịu trách nhiệm cân đối vốn và được quyền quyết định: hình thức, khối lượng, kỳ hạn và lãi suất huy

động theo quy định của pháp luật trong phạm vi kế hoạch tổng thể hàng năm. Sự hỗ trợ của Nhà nước là việc đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản huy động vốn của NHPTVN và cho phép NHPTVN được phát hành trái phiếu chính phủ trong thời gian đầu hoạt động nhằm giảm bớt khó khăn, huy động đủ vốn để tài trợ cho các dự án trọng điểm quốc gia.

Có thể nói, hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước trong thời gian qua đã gặt hái được những kết quả rất đáng khích lệ, tuy nhiên hiệu quả còn chưa cao và chịu ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố, trong đó có chính sách, quy hoạch chiến lược và các kế hoạch phát triển dài hạn của Nhà nước. Yêu cầu về nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng tốc phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế đang ngày càng cấp bách và quyết liệt hơn, đặt ra cho các chủ thể của nền kinh tế nói chung và hoạt động tín dụng ĐTPT của Nhà nước nói riêng nhiều khó khăn và thách thức lớn, đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ về cả chính sách và môi trường triển khai cũng như tổ chức thực thi... Chính sách đòi hỏi phải hoàn thiện hơn, NHPTVN cũng phải nâng cao chất lượng hoạt động hơn nữa và một điều đặc biệt quan trọng, các doanh nghiệp cũng phải tự nâng cao đòi cánh của chính mình, phát huy mọi nguồn nội lực đẩy mạnh ĐTPT hoạt động sản xuất kinh doanh, đứng vững trên thị trường, góp phần vào sự mạnh giàu của đất nước. 

Tin tức

Cần hơn 1,8 tỷ USD đầu tư cho ngành Giấy

Hiệp hội Giấy Việt Nam cho biết tổng vốn đầu tư cần để mở rộng và xây mới các nhà máy sản xuất giấy và bột giấy giai đoạn 2006-2010 là khoảng 1,854 tỷ USD. Dự kiến, tổng công suất sau đầu tư của các nhà máy giai đoạn này là hơn 1 triệu tấn bột giấy/năm và gần 2 triệu tấn giấy/năm. Ngành Giấy sẽ tập trung đầu tư mới các dự án sản xuất bột giấy tại vùng nguyên liệu trọng điểm theo từng giai đoạn, đồng thời quy hoạch thành 2 dạng chính là các dự án sản xuất bột giấy thương phẩm và các dự án liên hợp sản xuất bột giấy và giấy. Hiệp hội cho rằng, để có đủ nguồn vốn đầu tư đến năm 2010, các đơn vị sản xuất trong Ngành hiện nay cần nhanh chóng sắp xếp lại tổ chức và chuyển đổi sở hữu thành các công ty cổ phần, công ty liên doanh liên kết nhằm huy động vốn từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.